

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-PT

Ngày: 28-8-2019

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con, hợp đồng góp hụi.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tăng Thị Thúy Nga.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Dũ.

Ông Nguyễn Thành Hữu.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Trúc Phương, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng:** Ông Nguyễn Văn Sạch - Kiểm sát viên tham gia phiên Tòa.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2019/TLPT-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2019, về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con, hợp đồng góp hụi”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 05/2019/HNGĐ-ST, ngày 30 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 167/2019/QĐ-PT ngày 30/7/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lưu Thị Diễm Th, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ đăng ký HKTT: Thị trấn CLD, huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ đang tạm trú: Khóm A, phường B, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Lưu Thị Diễm Th: Ông Trần Văn Th - Luật sư Văn phòng luật sư ĐVT đoàn luật sư tỉnh B. Địa chỉ: xã Thạnh Ph, huyện MX, tỉnh B (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Đỗ Công Th (Đỗ Công Th), sinh năm: 1963 (có mặt).

Địa chỉ: Thị trấn CLD, huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị Mỹ Y (Mỹ Nh), sinh năm: 1953 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thị trấn CLD, huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Đỗ Công Th (Đỗ Công Th).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày tại phiên tòa phúc thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Nguyên đơn bà Bà Lưu Thị Diễm Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lưu Thị Diễm Th và ông Đỗ Công Th tự nguyện tổ chức lễ cưới vào ngày 25/11/1990 âl, nhưng đến ngày 26/12/2002 thì ông bà mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Cù Lao Dung, huyện Cù Lao Dung. Sau lễ cưới bà Th và ông Th chung sống hạnh phúc, đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Th thường kiếm chuyện chửi và đánh đập bà Th, bà Th đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng không được, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, đến ngày 20/02/2018 thì ông bà đã sống ly thân cho đến nay, nên bà Th yêu cầu được ly hôn với ông Th.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà Th và ông Th có 02 người con chung tên Đỗ Thị Diễm H, sinh ngày 02/6/1992 và Đỗ Anh Tr, sinh ngày 20/10/2004. Hiện nay, Cháu H đã thành niên và có gia đình riêng, còn Cháu Tr đang sống chung với bà Th. Do Cháu Tr bị khuyết tật trí tuệ, hiện nay bà Th đang cho Cháu Tr học tại Trường nuôi dạy trẻ khuyết tật tỉnh Sóc Trăng, nên bà Th yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng Cháu Tr, không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con; riêng Cháu H đã thành niên, nên bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống bà Th và ông Th có tài sản chung, trước đây bà Th có khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung trong vụ án này, nhưng bà Th đã rút yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung, Tòa án đã đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu chia tài sản chung của bà Th, nên bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: Trong thời gian chung sống chung bà Th và ông Th có hợp đồng góp hụi với bà Phạm Thị Mỹ Y (bà Y làm chủ hụi, bà Th và ông Th là thành viên). Tính đến ngày mãn hụi thì bà Th và ông Th nợ bà Y số tiền hụi là 103.000.000 đồng, nhưng tính đến ngày xét xử thì bà Y đã góp hụi chết thay cho bà Th và ông Th là 83.000.000 đồng. Nay bà Th yêu cầu ông Th chịu trách nhiệm trả cho bà Y 41.500.000 đồng, bà Th chịu trách nhiệm trả cho bà Y 41.500.000 đồng.

- Bị đơn là ông Đỗ Công Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Công Th và bà Lưu Thị Diễm Th tự nguyện tổ chức lễ cưới vào ngày 25/11/1990 âl, nhưng đến ngày 26/12/2002 thì ông bà mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Cù Lao Dung, huyện Cù Lao Dung. Sau lễ cưới ông Th và bà Th chung sống hạnh phúc, đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nên ông bà thường xuyên cãi vã qua lại, ông Th có chửi bà Th, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, đến ngày 20/02/2018 thì ông bà đã sống ly thân cho đến nay. Do hiện nay ông Th vẫn còn thương vợ, nên ông Th không thống nhất ly hôn với bà Th.

Về con chung: Trong thời gian chung sống ông Th bà Th có 02 người con chung tên Đỗ Thị Diễm H, sinh ngày 02/6/1992 và Đỗ Anh Tr, sinh ngày 20/10/2004. Hiện nay Cháu H đã thành niên và có gia đình riêng, còn Cháu Tr đang sống chung với bà Th (khi bà Th bỏ nhà đi bà Th dẫn Cháu Tr theo). Do Cháu Tr bị khuyết tật trí tuệ, nên ông Th yêu cầu bà Th giao Cháu Tr cho ông nuôi dưỡng cho đến khi Cháu Tr thành niên, ông Th yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật; riêng cháu H đã thành niên, nên ông Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống ông Th và bà Th có tài sản chung, nhưng ông Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trong thời gian chung sống ông Th và bà Th có hợp đồng góp hụi với bà Phạm Thị Mỹ Y (bà Y làm chủ hụi, ông Th và bà Th là thành viên). Tính đến ngày mãn hụi thì ông Th và bà Th nợ bà Y số tiền hụi là 103.000.000 đồng, nhưng tính đến ngày xét xử thì bà Y đã góp hụi chết thay cho ông Th và bà Th là 83.000.000 đồng. Nhưng do sau khi bà Th bỏ nhà đi ông Th đã góp hụi chết cho bà Y nhiều lần và ra trả nhiều khoản nợ khác, nên ông Th không thống nhất trả cho bà Y 41.500.000 đồng, mà ông Th yêu cầu bà Th phải có trách nhiệm trả hết số tiền 83.000.000 đồng cho bà Y.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Mỹ Y trình bày:

Vào ngày 15/10/2016 bà Y có làm đầu thảo dây hụi 5.000.000 đồng/1 phần, hụi một tháng khai một kỳ, có 36 thành viên, trong dây hụi này bà Th và ông Th tham gia 01 phần. Sau khi hụi khai thì bà Th và ông Th lĩnh hụi đầu, sau đó bà Th và ông Th góp hụi chết đến kỳ thứ 15, còn lại 21 kỳ thì ngưng không góp nữa. Sau khi bà Y khởi kiện đến Tòa án thì ông Th có trả cho bà Y số tiền 2.000.000 đồng, nên nếu tính đến ngày mãn hụi thì bà Th và ông Th còn nợ bà Y số tiền hụi là 103.000.000 đồng, nhưng tính đến ngày xét xử thì bà Y đã góp hụi chết thay cho bà Th và ông Th là 83.000.000 đồng. Nay bà Y yêu cầu bà Th và ông Th cùng có trách nhiệm trả cho bà Y số tiền 83.000.000 đồng, không tính lãi. Riêng phần tiền hụi còn lại thì bà Y không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, khi nào bà Y góp tiền hụi thay cho bà Th và ông Th bao nhiêu tiền thì bà Y sẽ yêu cầu bà Th và ông Th trả tiếp cho đến khi đủ số tiền hụi chết là 103.000.000 đồng.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 05/2019/HNGĐ-ST, ngày 30 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4, khoản 5 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 27, Điều 37, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 351, Điều 357, Điều 385, Điều 398, khoản 2 Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 20, Điều 23, Điều 30

và Điều 31 của Nghị định số: 144/2006/NĐCP, ngày 27 tháng 11 năm 2006 về hội, họ, biểu, phường của Chính phủ ; điểm b khoản 1 Điều 24, Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị Diễm Th và yêu cầu độc lập của bà Phạm Thị Mỹ Y (Mỹ Nh).

- Về hôn nhân: Xử cho bà Lưu Thị Diễm Th được ly hôn với ông Đỗ Công Th (Đỗ Công Th).

- Về con chung: Giao cháu Đỗ Anh Tr, sinh ngày sinh ngày 20 tháng 10 năm 2004 cho bà Lưu Thị Diễm Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi Cháu Tr thành niên. Ông Đỗ Công Th (Đỗ Công Th) không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho ông Th, không ai được cản trở.

Riêng cháu Đỗ Thị Diễm H, sinh ngày 02/6/1992 đã thành niên, không mắc bệnh tật gì. Hai đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Lưu Thị Diễm Th và ông Đỗ Công Th (Đỗ Công Th) không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung:

Buộc bà Lưu Thị Diễm Th có trách nhiệm hoàn trả cho bà Phạm Thị Mỹ Y số tiền 41.500.000 đồng (bốn mươi một triệu năm trăm ngàn đồng).

Buộc ông Đỗ Công Th (Đỗ Công Th) có trách nhiệm hoàn trả cho bà Phạm Thị Mỹ Y số tiền 41.500.000 đồng (bốn mươi một triệu năm trăm ngàn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần lãi suất chậm trả, án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo luật định.

Ngày 12/6/2019 bị đơn ông Đỗ Công Th kháng cáo một phần bản án về nợ chung, ông không đồng ý trả cho bà Phạm Thị Mỹ Y số tiền 41.500.000 đồng và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc bà Lưu Thị Diễm Th trả cho bà Phạm Thị Mỹ Y số tiền 83.000.000 đồng vì trong thời gian bà Th bỏ nhà đi ông đã bỏ một số tiền ra để trả nợ cho bà Y nên phần hội này ông không đồng ý trả.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo bị đơn ông Đỗ Công Th (Đỗ Công Th) không rút lại đơn kháng cáo, nguyên đơn bà Lưu Thị Diễm Th không rút lại đơn khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, luật sư Trần Văn Th đưa ra những căn cứ, lập luận và đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Đỗ Công Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Công Th, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Luật sư, Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về chủ thể, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của ông Đỗ Công Th (Đỗ Công Th) là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Mỹ Y (Mỹ Nh) vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về hôn nhân: Bà Lưu Thị Diễm Th và ông Đỗ Công Th (Đỗ Công Th) tự nguyện kết hôn và đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình; bà Th và ông Th có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Cù Lao Dung, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên hôn nhân của bà Th và ông Th là hôn nhân hợp pháp.

Do hôn nhân của bà Th và ông Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên Tòa án cấp sơ thẩm quyết định chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lưu Thị Diễm Th được ly hôn với ông Đỗ Công Th là có cơ sở và phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi xét xử bị đơn ông Đỗ Công Th cũng đồng ý với bản án sơ thẩm và không kháng cáo về phần này.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà Lưu Thị Diễm Th và ông Đỗ Công Th có 02 người con chung tên Đỗ Thị Diễm H, sinh ngày 02/6/1992 và Đỗ Anh Tr, sinh ngày 20/10/2004. Cháu Đỗ Thị Diễm H hiện nay đã thành niên và các đương sự không yêu cầu gì nên Tòa án cấp sơ thẩm không đặt ra xem xét là có căn cứ. Riêng cháu Đỗ Anh Tr, sinh ngày 20/10/2004 là trẻ bị khuyết tật trí tuệ, hiện nay Cháu Tr đang sống ổn định với bà Th, được đi học đúng trường theo sự phát triển của cháu và nguyện vọng của Cháu Tr cũng muốn được sống chung với bà Th. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà Th là có căn cứ. Sau khi xét xử bị đơn ông Đỗ Công Th cũng đồng ý với bản án sơ thẩm và không kháng cáo về phần này.

[3] Về tài sản chung: bà Th và ông Th không yêu cầu nên Tòa án cấp sơ thẩm không đặt ra xem xét là có căn cứ.

[4] Về nợ chung:

[4.1] Xét kháng cáo của ông Th không đồng ý trả cho bà Y (Mỹ Nh) số tiền 41.500.000đ. Nhận thấy, mặc dù ông Th không trực tiếp chơi hụi nhưng ông biết việc bà Th chơi hụi và không phản đối, đồng thời bà Th hốt hụi mang tiền về sử dụng cho nhu cầu thiết yếu trong gia đình. Tại khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

*“Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây:*

*1.....*

*2. Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình...”*

Tại khoản 2 Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

*“...2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này”.*

Do vậy, có căn cứ xác định khoản tiền nợ hụi của bà Y (Mỹ Nh) 83.000.000 đồng đây là nợ chung, nên cấp sơ thẩm buộc ông Th, bà Th có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà Y, cụ thể ông Th có trách nhiệm hoàn trả cho bà Y là 41.500.000 đồng, bà Th có trách nhiệm hoàn trả cho bà Y là 41.500.000 đồng là phù hợp với khoản 2 Điều 27, khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án ông Th khai: trong thời gian bà Th bỏ nhà đi ông Th đã góp phần hụi chết cho bà Y nhiều lần và ra trả nhiều khoản nợ khác, nên ông Th không thống nhất trả nợ chung số tiền 41.500.000 đồng cho bà Y. Nhận thấy, trong thời gian bà Th bỏ nhà đi thì ông Th và bà Th vẫn còn quan hệ vợ chồng, phần tiền ông Th hoàn trả cho các chủ nợ là khoản nợ chung của vợ chồng được lấy từ tiền chung của vợ chồng nên kháng cáo của ông Th là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Lời đề nghị của vị Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Công Th (Đỗ Công Th).

2. Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 05/2019/HNST-ST ngày 30 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, như sau:

*“ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị Diễm Th và yêu cầu độc lập của bà Phạm Thị Mỹ Y (Mỹ Nh).*

*- Về hôn nhân: Xử cho bà Lưu Thị Diễm Th được ly hôn với ông Đỗ Công Th (Đỗ Công Th).*

*- Về con chung: Giao cháu Đỗ Anh Tr, sinh ngày sinh ngày 20 tháng 10 năm 2004 cho bà Lưu Thị Diễm Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi Cháu Tr thành niên. Ông Đỗ Công Th (Đỗ Công Th) không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho ông Th, không ai được cản trở.*

*Riêng cháu Đỗ Thị Diễm H, sinh ngày 02/6/1992 đã thành niên, không mắc bệnh tật gì. Hai đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.*

*- Về tài sản chung: Bà Lưu Thị Diễm Th và ông Đỗ Công Th (Đỗ Công Th) không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.*

*- Về nợ chung:*

*Buộc bà Lưu Thị Diễm Th có trách nhiệm hoàn trả cho bà Phạm Thị Mỹ Y (Mỹ Nh) số tiền 41.500.000 đồng (bốn mươi một triệu năm trăm ngàn đồng).*

*Buộc ông Đỗ Công Th (Đỗ Công Th) có trách nhiệm hoàn trả cho bà Phạm Thị Mỹ Y (Mỹ Nh) số tiền 41.500.000 đồng (bốn mươi một triệu năm trăm ngàn đồng).*

*- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Phạm Thị Mỹ Y (Mỹ Nh) có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Lưu Thị Diễm Th và ông Đỗ Công Th (Đỗ Công Th) còn phải trả lãi cho bà Yên theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, đối với số tiền chậm thi hành án.*

*- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lưu Thị Diễm Th phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và 2.075.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng bà Th phải nộp là 2.375.000 đồng (hai triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng), nhưng bà Th được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006271 ngày 24 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, như vậy bà Th còn phải nộp thêm số tiền 2.075.000 đồng (hai triệu không trăm bảy mươi lăm ngàn đồng); ông Đỗ Công Th (Đỗ Công Th) phải nộp 2.075.000 đồng (hai triệu không trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm; bà Phạm Thị Mỹ Y (Mỹ Nh) không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm”.*

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo ông Đỗ Công Th (Đỗ Công Th) phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm mà ông Th đã nộp theo biên lai AA/2016/0006105 ngày 12/6/2019, ông Th đã nộp xong.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THA.DS huyện Cù Lao Dung;
- Các đương sự;
- Lưu: HS-TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Tăng Thị Thúy Nga**